

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-10-2021

V/v tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàng Phong

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Lâm

2. Bà Trần Thị Kim Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hải Thị Trúc P, sinh năm 1999 “vắng mặt”

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1992 “vắng mặt”.

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã P, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 5 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hải Thị Trúc P trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M thành hôn vào năm 2016, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Hậu Giang vào ngày 15/5/2017. Thời gian chung sống được 02 năm. Quá trình chung sống vợ chồng sống không được hạnh phúc. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 03 năm 2019 đến nay. Về con chung có một con chung Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 29/3/2017 hiện đang sống với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh M. Về con chung chị xin nuôi và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 5 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh và chị Hải Thị Trúc P thành hôn năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Hậu Giang vào ngày 15/5/2017. Anh và chị P sống được hai năm. Quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc. Anh xác định không còn tình cảm với chị P nên anh đồng ý ly hôn. Về con chung Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 29/3/2017 hiện đang sống với chị P, anh đồng ý để chị P nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Hải Thị Trúc P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn M, địa chỉ ấp T, xã T, huyện Q, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng: Chị Hải Thị Trúc P và anh Nguyễn Văn M có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hải Thị Trúc P và anh Nguyễn Văn M kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện U, tỉnh Hậu Giang vào ngày 15/5/2017 theo giấy chứng nhận kết hôn số 28/2017 và anh chị kết hôn cũng đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của nguyên đơn cho rằng quá trình chung sống vợ chồng sống không được hạnh phúc. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 03 năm 2019 đến nay. Bị đơn cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng sống không hạnh phúc nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P nên ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị P và anh M là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị P và anh M có 01 con chung Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 29/3/2017 hiện đang sống với chị P. Ly hôn chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi. Anh M đồng ý để chị P tiếp tục nuôi. Xét thấy sự thỏa thuận này phù hợp Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên ghi nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị P là người trực tiếp nuôi con, hiện tại chị đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không đặt vấn đề giải quyết.

[2.4] Về tài sản, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phương nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hải Thị Trúc P.

1. Về hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Hải Thị Trúc P và anh Nguyễn Văn M.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 29/3/2017 cho chị Hải Thị Trúc P tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con và anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Hải Thị Trúc P nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị P đã nộp theo biên lai thu số 0017052 ngày 25/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - Viện kiểm sát nhân dân huyện t;
 - Thi hành án dân sự huyện Q;
 - Ủy ban nhân dân xã A;
- huyện L, tỉnh Hậu Giang
(Giấy kết hôn số 28 ngày 15/5/2017)
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐÃ KÝ

Hồ Hoàng Phong